

Bản án số: 02/2020/HN&GD - ST

Ngày: 20 - 02 - 2020.

“V/v: Kiện không công nhận là vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Long

Các hội thẩm nhân dân gồm có: 1. Ông Võ Ánh Sửu

2. Ông Ksor Y Nai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: ông Trịnh Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019 về việc “Kiện không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX – ST, ngày 06/01/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 20/01/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều X, sinh năm 1987 – Trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1975 - Trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều Xuân, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều X và anh Nguyễn Đức Đ chung sống với nhau từ năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh Đ thường xuyên đánh đập chị, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau nữa. Vì vậy, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị X và anh Đ, đã có 02 con chung, gồm: Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 20/4/2008; Nguyễn Đức Th, sinh ngày 23/11/2010. Chị X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện thì chị X yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ kiện thì chị X đã rút đối với yêu cầu này.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị Kiều X, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 02 giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Kiều A và Nguyễn Đức Th; 01 sổ hộ khẩu gia đình; chứng minh nhân dân của chị X và anh Đ (tất cả đều là bản phô tô).

** Tại Biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, anh Nguyễn Đức Đ, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị Kiều X, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn, trong cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn xảy ra, thường xuyên xô xát cãi nhau.

Về con chung: Anh Đ và chị X có 02 con chung như chị X đã trình bày, đồng thời anh Đ đồng ý giao các con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 17/12/2019 các cháu Nguyễn Thị Kiều A, Nguyễn Đức Th đều trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ.*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều X đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Đức Đ, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX và nguyên đơn, đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị Nguyễn Thị Kiều X là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Nguyễn Đức Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình trốn tránh, vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều X và anh Nguyễn Đức Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 trên cơ sở tự nguyện. Tuy có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh, chị không tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình sống chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Đức Đ là vợ chồng. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều X là có căn cứ phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân & gia đình, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ sống chung chị X và anh Đ, đã có 02 con chung là: Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 20/4/2008; Nguyễn Đức Th, sinh ngày 23/11/2010 chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Tại Biên bản hòa giải

ngày 23/12/2019 anh Đ đồng ý giao cả 02 con chung cho chị Xuân trực tiếp nuôi dưỡng, do vậy cần công nhận sự thỏa thuận đó.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện chị X có yêu cầu anh Đ phải góp phí tổn nuôi con chung, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị X đã rút yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Chị X và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều X phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều X. Không công nhận chị Nguyễn Thị Kiều X và anh Nguyễn Đức Đ là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao các cháu: Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 20/4/2008; Nguyễn Đức Th, sinh ngày 23/11/2010 chị Nguyễn Thị Kiều X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều X đã rút yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Đức Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều X và anh Nguyễn Đức Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều X, phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, theo biên lai số 0001220, ngày 28/11/2019.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kiều X và anh Nguyễn Đức Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND thị trấn E;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Bùi Văn Long